TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Cẩm Hà**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đức Lưu**
2. Ông **Nguyễn Hà**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Phương** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 288/TLST- HNGĐ ngày 25/05/2023 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng V, sinh năm 1990; ĐKNKTT: Số A, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Số 1 Đ quận H, thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1992; ĐKNKTT và nơi: Số A, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 05 năm 2023, tại bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị Nguyễn Hồng V trình bày:

Chị và anh Trần Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết ngày 09 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Thành phố Hà Nội trên cơ sở có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Cả hai về chung sống tại Số A, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, chị và anh T thỉnh thoảng xảy ra cãi vã nhau, anh T cờ bạc nợ nần dẫn đến mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra chị và anh T có nói chuyện để giải quyết về vấn đề mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Đến năm 2022, mâu thuẫn của chị và anh T trầm trọng nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Xuân B, sinh ngày 30/10/2012; Trần Hà V1, sinh ngày 25/3/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi 2 con chung, chị đủ khả năng nơi ở và kinh tế. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm nghề bán hàng thu nhập mỗi tháng khoảng 15 triệu đồng/tháng.

Về tài sản, nhà ở chung: Chị V xác nhận, chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị V xác nhận, chị và anh T không vay và nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn là anh Trần Xuân T: Anh Trần Xuân T không đến Tòa làm việc. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng: Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến trình bày quan điểm; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trần Xuân T.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Xuân T vắng mặt lần thứ 2 liên tiếp không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

- Tại biên bản ghi ý kiến đối với ông Trần Xuân C (bố đẻ của anh Trần Xuân T) ông C cho biết: Anh Trần Xuân T và chị Nguyễn Hồng V kết hôn năm 2013, được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại Số A, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (nay là số U ngõ Y đường O). Quá trình chung sống sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Hiện tại anh T thường xuyên đi làm tối muộn mới về nhà. Gia đình hai bên cũng đã cố gắng nói chuyện để hai anh chị hàn gắn đoàn tụ song tình hình không cải thiện. Nay anh chị mẫu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh chị ly hôn vì anh chị không có khả năng đoàn tụ quay lại với nhau; Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung là Trần Xuân B, sinh ngày 30/10/2012; Trần Hà V, sinh ngày 25/3/2020. Hiện cháu B và cháu V1 đang ở với chị V. Khi chị V và anh T ly hôn đề nghị Toà án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu và điều kiện nuôi dưỡng để giao cho người nào đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các cháu, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho các cháu; Về tài sản chung: Chị V và anh T không có; Về vay nợ: Chị V và anh T có vay nợ hay không ông C không biết.

- Tại biên bản xác minh ngày 26/05/2023, ông Vũ Văn Đại tổ trưởng tổ dân phố số 2, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cho biết: Chị Nguyễn Hồng V và anh Trần Xuân T sau khi kết hôn sinh sống tại địa chỉ số U ngõ Y đường O tổ dân phố số 2, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống tại địa phương, anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mẫu thuẫn theo phản ánh do anh T ham chơi không có trách nhiệm với gia đình cụ thể thế nào ông không xác định được do chỉ mới nhận chức tổ trưởng từ năm 2022 đến nay. Nay chị V xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân và các quy định của pháp

luật để giải quyết; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Xuân B, sinh ngày 30/10/2012; Trần Hà V1, sinh ngày 25/3/2020. Hiện hai cháu đang ở với chị V, khi anh chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu để giao các cháu cho người nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cháu; Về tài sản, nhà ở chung, vay nợ: Do các đương sự không yêu cầu địa phương hoà giải nên không xác định được.

- Tại bản tự khai của cháu Trần Xuân B (con của chị V, anh T) cháu trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ và em gái.

Chị V giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay; Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Trần Xuân B, sinh ngày 30/10/2012; Trần Hà V, sinh ngày 25/3/2020, hiện hai cháu đang ở với chị. Chị V có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản, nhà ở chung: Chị V và anh T không có, không yêu cầu tòa án giải quyết; Về vay nợ: Chị V, anh T không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các tống đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ theo Điều 96; Điều 97, Điều 98; Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được tiến hành đúng theo quy định khoản 1 Điều 205; khoản 2 Điều 207; Điều 208 đến Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đã được tống đạt hợp lệ cho đương sự;

+ Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo qui định tại Điều 63 và chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn qui định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 76; Chấp hành đúng nội qui phiên tòa theo Điều 234, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 42; Điều 213; Điều 246; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 63; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng V; về con chung: Giao con chung là Trần Xuân B, sinh ngày 30/10/2012; Trần Hà V1, sinh ngày 25/3/2020 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi các con chung nên không xem xét giải quyết; Về tài sản, nhà ở chung: Chị V xác nhận chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về vay nợ: Chị V xác nhận chị và anh T không vay, nợ ai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Áp dụng vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Anh Trần Xuân T, có ĐKNKTT và nơi ở: Số A, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn" là đúng thẩm quyền; Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tố tụng của Tòa án cho anh T nhưng không tống đạt được. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T theo quy định của pháp luật. Việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án là hợp lệ. Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, nhưng tại phiên Tòa hôm nay anh T vắng mặt lần thứ 2 liên tiếp không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân, giữa chị Nguyễn Hồng V và anh Trần Xuân T có đăng ký kết hôn 09/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 quyển số 01/2013, đây là hôn nhân hợp pháp; Trong quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh T không có trách nhiệm dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm. Gia đình đã khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị V không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Quá trình xác minh của Tòa án tại nơi cư trú, lấy lời khai, lời trình bày của nguyên đơn, lời khai của ông Trần Xuân Cư (bố đẻ của anh Trần Xuân T) cho thấy:

Nguyên nhân mâu thuẫn của chị V và anh T do bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ cuộc sống gia đình, đã ly thân từ năm 2022 đến nay, mỗi người ở một nơi không quan tâm đến nhau, anh chị cũng đã được gia đình khuyên bảo hòa giải đoàn tụ song không cải thiện được tình cảm điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng; Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Trần Xuân T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, không thể hiện quan điểm về việc chị V xin ly hôn, về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nhà ở và vay nợ chung, không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng V đối với anh Trần Xuân T. Chị Nguyễn Hồng V được ly hôn với anh Trần Xuân T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Hồng V và anh Trần Xuân T có 02 con chung là cháu Trần Xuân B, sinh ngày 30/10/2012; cháu Trần Hà V, sinh ngày 25/3/2020. Hai con hiện đang ở với chị V. Khi ly hôn chị V xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Xét thấy, cháu B đã trên 07 tuổi và đang ở với chị V, cùng có nguyện vọng được chung sống với chị V và em gái, bản thân chị V có công việc ổn định, có chỗ ở và có điều kiện chăm sóc con, không phụ thuộc vào anh T về kinh tế. Mặt khác, anh T cũng không đến Tòa án trình bày quan điểm gì về việc nuôi các con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc giao cho ai nuôi con là để đảm bảo quyền lợi của trẻ. Vì vậy, giao cháu Trần Xuân B và Trần Hà V cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các cháu, được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi các con chung của anh T nên không xem xét.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản và nhà đất ở chung: Chị V xác nhận chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về vay nợ chung: Chị V xác nhận, chị và anh T không vay, nợ ai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Hồng V và anh Trần Xuân T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố

tụng dân sự 2015; Điều 19, 51, 56,58, 59,81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1.**Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng V**

Chị Nguyễn Hồng V được ly hôn với anh Trần Xuân T

2 .**Về con chung:** Chị Nguyễn Hồng V và anh Trần Xuân T có 02 con chung là cháu Trần Xuân B, sinh ngày 30/10/2012; cháu Trần Hà V, sinh ngày 25/3/2020. Giao cháu Trần Xuân B và cháu Trần Hà V1, cho chị Nguyễn Hồng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi các con chung của anh T nên Tòa không xét.

Anh Trần Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản và nhà đất ở chung: Chị V xác nhận, chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về vay nợ chung: Chị V xác nhận, chị và anh T không vay, nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007795 ngày 25/05/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

6. Về quyền kháng cáo: Chị V có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Cẩm Hà